

VAI TRÒ CỦA THƯ VIỆN ĐẠI HỌC TRONG BẢO ĐẢM LIÊM CHÍNH HỌC THUẬT KHI ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRONG BỐI CẢNH TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TẠO SINH

Nguyễn Thị Hồng Hạnh¹

Email: hanhnhth@hou.edu.vn. ORCID: 0009-0001-8859-5402

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 15/06/2026

Ngày phản biện đánh giá: 22/06/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 14/09/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1430

Tóm tắt: Trí tuệ nhân tạo tạo sinh (AI tạo sinh) đang làm thay đổi cách sinh viên học tập và hoàn thành nhiệm vụ đánh giá, đồng thời làm mờ ranh giới giữa hỗ trợ hợp lệ và vi phạm liên chính học thuật. Bài viết làm rõ vai trò của thư viện đại học trong bảo đảm liên chính học thuật khi đánh giá kết quả học tập. Nghiên cứu sử dụng tổng hợp định tính, phân tích tài liệu, đối chiếu các khung năng lực thông tin/AI và dữ liệu thứ cấp đã công bố, trong đó có minh chứng tại Trường Đại học Mở Hà Nội. Kết quả phân tích cho thấy rủi ro không chỉ đến từ gian lận có chủ ý mà còn từ hạn chế trong tìm kiếm, đánh giá, trích dẫn, kiểm chứng nguồn tin và khai báo sử dụng AI. Bài viết đề xuất mô hình hỗ trợ của thư viện gồm bốn hợp phần: phát triển năng lực thông tin và AI có trách nhiệm; hướng dẫn khai báo, trích dẫn AI; hỗ trợ đánh giá dựa trên minh chứng; và phát triển văn hóa liên chính học thuật. Mô hình cần được kiểm chứng thực nghiệm trước khi khái quát rộng.

Từ khóa: đánh giá kết quả học tập, liên chính học thuật, năng lực thông tin, thư viện đại học, trí tuệ nhân tạo tạo sinh

I. Đặt vấn đề

Trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative AI, sau đây gọi là AI tạo sinh) đang tác động đến cách sinh viên (SV) học tập, tìm kiếm, xử lý thông tin và hoàn thành nhiệm vụ học thuật trong giáo dục đại học (GDĐH). AI có thể hỗ trợ diễn giải, xây dựng dàn ý, dịch và tóm tắt, nhưng cũng làm khó xác định ranh giới giữa hỗ trợ hợp lệ và gian lận học thuật (Cotton và cộng sự, 2024; Kofinas và cộng sự, 2025).

Rủi ro rõ hơn ở tiểu luận, báo cáo, khóa luận, câu hỏi tự luận hoặc sản phẩm học tập cá nhân. Khi thiếu hướng dẫn, SV có thể dùng AI thay cho quá trình đọc, phân tích, lập luận; dùng nguồn chưa kiểm chứng; trích dẫn sai hoặc không khai báo mức hỗ trợ. Vì vậy, liên chính học thuật (LCHT) cần được tiếp cận vừa như chuẩn mực vừa như năng lực cần hình thành.

Vấn đề trọng tâm không phải cấm hay cho phép AI tuyệt đối, mà là xác định

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

mức sử dụng phù hợp với từng nhiệm vụ, kèm yêu cầu khai báo, kiểm chứng và chịu trách nhiệm. Phần mềm kiểm tra đạo văn hoặc phát hiện nội dung AI không thể thay thế giáo dục về chuẩn mực học thuật và sử dụng công nghệ có trách nhiệm (Miao & Holmes, 2023).

Thư viện (TV) đại học có nền tảng về tài nguyên học thuật, năng lực thông tin, kỹ năng nghiên cứu và trích dẫn. Trong bối cảnh AI, TV có thể hỗ trợ SV kiểm chứng nguồn tin, khai báo mức sử dụng AI và duy trì tính trung thực của sản phẩm học tập. Bài viết tập trung vào ba vấn đề: thách thức của AI đối với LCHT trong đánh giá; khoảng trống năng lực của SV; và vai trò của TV trong phát triển năng lực sử dụng AI có trách nhiệm.

Bài viết là nghiên cứu tổng hợp định tính theo hướng đề xuất khung ứng dụng, không phải nghiên cứu kiểm định thực nghiệm. Vai trò của TV trong bảo đảm LCHT là trọng tâm; AI tạo sinh là bối cảnh công nghệ và đánh giá kết quả học tập là phạm vi ứng dụng.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Liêm chính học thuật trong giáo dục đại học

Liêm chính học thuật là nền tảng bảo đảm tính trung thực, công bằng, trách nhiệm, tôn trọng và minh bạch trong hoạt động học tập, nghiên cứu và đánh giá. Theo International Center for Academic Integrity (2021), các giá trị cốt lõi của LCHT tạo cơ sở cho niềm tin trong môi trường giáo dục và nghiên cứu. Trong GDĐH, LCHT không chỉ liên quan đến hành vi đạo văn, gian lận thi cử hoặc sử dụng tài liệu trái phép, mà còn gắn với thái độ tôn trọng tri thức, trách nhiệm với sản

phẩm học tập và khả năng ghi nhận đúng đóng góp của các nguồn thông tin (Lê Thị Minh Thảo và cộng sự, 2025).

Ở cấp độ SV, vi phạm LCHT thường xuất hiện dưới các dạng: sao chép nguyên văn không trích dẫn; diễn đạt lại ý tưởng của người khác nhưng không ghi nguồn; sử dụng bài viết thuê; chia sẻ bài làm; tự đạo văn; làm giả dữ liệu; sử dụng công cụ hỗ trợ vượt quá giới hạn cho phép; hoặc trình bày sản phẩm do công cụ AI tạo ra như sản phẩm của chính mình. Trong bối cảnh AI tạo sinh, các hành vi này trở nên phức tạp hơn vì văn bản do AI tạo ra có thể không trùng lặp trực tiếp với nguồn có sẵn, nhưng vẫn không phản ánh năng lực thực chất của người học (International Center for Academic Integrity, 2021; Lê Thị Minh Thảo và cộng sự, 2025).

2.2. AI tạo sinh và thách thức đối với đánh giá sinh viên

AI tạo sinh có thể tạo văn bản, hình ảnh, mã lệnh, dàn ý và phản hồi theo yêu cầu. Trong GDĐH, AI hỗ trợ học tập và tiếp cận tri thức, nhưng khi được dùng trong nhiệm vụ đánh giá có thể làm giảm độ tin cậy của kết quả nếu yêu cầu và tiêu chí đánh giá không được thiết kế lại (Cotton và cộng sự, 2024; Kofinas và cộng sự, 2025).

Các thách thức chính gồm khó xác định đóng góp thực chất của SV; nguy cơ nộp sản phẩm do AI tạo; suy giảm đọc sâu, viết học thuật và tư duy phản biện; cùng các vấn đề về bản quyền, dữ liệu cá nhân và thông tin sai lệch. Do đó, đánh giá cần chú trọng quá trình, lập luận, minh chứng học tập, kiểm chứng nguồn và phản tư của người học.

Nghiên cứu của Kofinas, Tsay và Pike (2025) tại hai trường đại học ở Vương quốc Anh cho thấy người chấm khó phân biệt ổn định giữa bài do người học tạo lập, bài có AI hỗ trợ và bài do AI tạo. Kết quả này củng cố yêu cầu chuyển trọng tâm từ phát hiện AI sang thiết kế đánh giá, minh chứng quá trình và năng lực giải trình.

2.3. Năng lực sử dụng AI có trách nhiệm

Năng lực sử dụng AI có trách nhiệm là khả năng hiểu, lựa chọn, vận dụng, kiểm chứng và khai báo việc sử dụng AI phù hợp với mục tiêu học tập, chuẩn mực học thuật và quy định của cơ sở đào tạo. Năng lực này giao thoa với năng lực thông tin và năng lực hiểu biết về AI. Khung Năng lực thông tin cho giáo dục đại học của Association of College and Research Libraries (ACRL, 2016) nhấn mạnh khả năng tìm kiếm, đánh giá và sử dụng thông tin có đạo đức; Long và Magerko (2020) bổ sung khả năng hiểu, nhận diện, đánh giá tác động và sử dụng AI một cách phê phán.

Trong GDĐH, năng lực này thể hiện ở việc hiểu giới hạn của AI; sử dụng AI như công cụ hỗ trợ thay vì thay thế tư duy; kiểm chứng thông tin, sai lệch và “ảo giác”; trích dẫn, khai báo mức sử dụng; bảo vệ dữ liệu và tài sản trí tuệ. Đây là năng lực liên ngành, cần sự phối hợp giữa nhà trường, khoa chuyên môn, thư viện, bộ phận khảo thí và các đơn vị hỗ trợ người học (Long và Magerko, 2020; Miao và cộng sự, 2024).

Miao và cộng sự (2024) nhấn mạnh các chiều năng lực liên quan đến tư duy lấy con người làm trung tâm, đạo đức và ứng dụng AI; trong bảo đảm liêm chính học thuật, các nội dung đặc biệt liên quan

là khả năng phán đoán phê phán, sử dụng AI có trách nhiệm và ý thức trách nhiệm đạo đức.

2.4. Vai trò của thư viện đại học

TV đại học có lợi thế đặc thù trong hỗ trợ SV tiếp cận, đánh giá và sử dụng thông tin một cách có trách nhiệm. Trên nền tảng khung năng lực thông tin, người học cần biết nhận diện nhu cầu tin, đánh giá thẩm quyền của nguồn tin, sử dụng thông tin có đạo đức và tham gia vào cộng đồng học thuật một cách có trách nhiệm (ACRL, 2016). Trong bối cảnh AI tạo sinh, vai trò này cần được mở rộng sang hướng dẫn năng lực hiểu biết về AI, kiểm chứng nội dung do AI hỗ trợ, khai báo việc sử dụng AI, đánh giá độ tin cậy của nguồn tin và hỗ trợ giảng viên thiết kế nhiệm vụ học tập dựa trên minh chứng.

Có thể xác định bốn vai trò chính của TV: đào tạo năng lực thông tin và năng lực sử dụng AI có trách nhiệm; hỗ trợ LCHT; phối hợp với giảng viên trong thiết kế đánh giá; cung cấp tài nguyên học thuật tin cậy. Các vai trò này giúp TV tham gia sâu hơn vào quá trình bảo đảm chất lượng học tập, nghiên cứu và đánh giá SV trong kỷ nguyên AI.

2.5. Khung phân tích của nghiên cứu

Từ các nền tảng trên, bài viết xây dựng khung phân tích theo chuỗi: bối cảnh AI tạo sinh → rủi ro đối với LCHT trong đánh giá kết quả học tập → khoảng trống năng lực thông tin/năng lực AI → hỗ trợ của TV đại học → yêu cầu minh bạch và minh chứng quá trình. Trong khung này, AI tạo sinh là bối cảnh công nghệ; đánh giá kết quả học tập là phạm vi ứng dụng; LCHT là mục tiêu cần bảo đảm; năng lực thông tin và AI literacy là

cơ chế năng lực; TV đại học là chủ thể hỗ trợ phối hợp. ACRL (2016) cung cấp nền tảng về tìm kiếm, đánh giá và sử dụng thông tin có đạo đức; Long và Magerko (2020) cùng Miao và cộng sự (2024) bổ sung chiều năng lực hiểu biết và sử dụng AI có trách nhiệm; AI Assessment Scale (Furze và cộng sự, 2024; Perkins, Roe và Furze, 2025) cung cấp logic minh bạch hóa mức độ sử dụng AI trong nhiệm vụ đánh giá. Khung này là cơ sở liên kết Bảng 1, Bảng 2 và mô hình bốn hợp phần ở Mục 4.6.

III. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng tổng hợp định tính theo hướng đề xuất khung ứng dụng. Tài liệu được lựa chọn có chủ đích theo ba nhóm: (i) khung/hướng dẫn có thẩm quyền về LCHT, năng lực thông tin, năng lực số và AI trong giáo dục; (ii) nghiên cứu bình duyệt về AI tạo sinh, đánh giá và LCHT; (iii) nghiên cứu thực nghiệm liên quan tại Việt Nam và Trường Đại học Mở Hà Nội (HOU). Tiêu chí lựa chọn gồm mức độ phù hợp mục tiêu, khả năng kiểm chứng, tính cập nhật và khả năng giải thích mối quan hệ giữa LCHT, đánh giá, AI, năng lực thông tin/AI và vai trò TV. Với nghiên cứu AI tạo sinh, bài viết ưu tiên tài liệu giai đoạn 2020-2026.

Nghiên cứu chỉ sử dụng dữ liệu thứ cấp đã công bố, không tiến hành khảo sát hoặc phỏng vấn mới. Tại HOU, Đinh Thị Hằng (2025) khảo sát 350 SV về nhận thức, thái độ và hành vi LCHT; Lê Thị Ánh Tuyết và cộng sự (2026) khảo sát 137 SV chuyên ngành Tiếng Anh về sử dụng ChatGPT trong viết học thuật. Hai nguồn được dùng để nhận diện bối cảnh và rủi

ro, không phải để kiểm định mô hình TV. Kinh nghiệm hỗ trợ học thuật tại Thư viện HOU chỉ được sử dụng như căn cứ bối cảnh, không dùng để suy rộng tỷ lệ vi phạm hay hiệu quả can thiệp.

Quy trình phân tích gồm bốn bước: (1) mã hóa tài liệu theo các chủ đề LCHT, đánh giá, năng lực thông tin/AI, rủi ro AI và vai trò TV; (2) đối chiếu các khung và bằng chứng thực nghiệm; (3) tổng hợp thành ma trận vấn đề - biểu hiện - hàm ý (Bảng 1) và điều chỉnh thang mức sử dụng AI (Bảng 2); (4) suy luận thiết kế đề xuất mô hình bốn hợp phần và điều kiện triển khai. Vì vậy, kết quả là tổng hợp phân tích và đề xuất ứng dụng, không phải bằng chứng nhân quả hay hiệu quả đã được kiểm chứng.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Nhận diện một số vấn đề thực tiễn

Từ tài liệu nghiên cứu, dữ liệu thứ cấp và thực tiễn hỗ trợ học thuật tại TV, bài viết nhận diện các nhóm vấn đề liên quan đến LCHT trong đánh giá kết quả học tập trước tác động của AI. Các vấn đề không chỉ phản ánh nguy cơ gian lận mà còn cho thấy khoảng trống về năng lực thông tin, năng lực số và sử dụng AI có trách nhiệm.

Minh chứng tại HOU giúp làm rõ bối cảnh. Đinh Thị Hằng (2025), với 350 SV, ghi nhận khoảng cách giữa nhận thức LCHT và hành vi; Lê Thị Ánh Tuyết và cộng sự (2026), với 137 SV chuyên ngành Tiếng Anh, cho thấy ChatGPT chủ yếu được dùng để tìm ý tưởng, bài mẫu và từ vựng, đồng thời tiềm ẩn rủi ro về thông tin và trích dẫn. Hai nghiên cứu không kiểm định vai trò TV nhưng cũng cố nhu cầu hướng dẫn, kiểm chứng nguồn, khai báo AI và đánh giá theo quá trình.

Bảng 1. Một số nhóm vấn đề thực tiễn và hàm ý đối với đánh giá sinh viên

Nhóm vấn đề	Biểu hiện thường gặp	Hàm ý đánh giá
Sử dụng AI thiếu khai báo	Dùng AI gợi ý, tạo hoặc chỉnh sửa nội dung nhưng không nêu mức sử dụng	Quy định khai báo AI theo từng nhiệm vụ
Hạn chế tìm kiếm, đánh giá nguồn	Phụ thuộc tìm kiếm phổ thông; khó nhận diện nguồn tin cậy	Tăng đào tạo năng lực thông tin và đánh giá nguồn
Trích dẫn, kiểm chứng chưa chuẩn	Trích dẫn thiếu/sai; dùng nguồn AI gợi ý nhưng chưa kiểm tra	Hướng dẫn kiểm chứng, trích dẫn và quản lý tài liệu
Đánh giá nặng sản phẩm cuối	Thiếu bản nháp, nhật ký và minh chứng quá trình	Bổ sung minh chứng quá trình và tự giải trình
Thiếu hướng dẫn thống nhất	Mức cho phép AI chưa rõ hoặc khác nhau giữa học phần	Có khung chung và cụ thể hóa theo học phần/nhiệm vụ

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

4.2. AI tạo sinh làm thay đổi bản chất rủi ro liên chính học thuật

Trong kỷ nguyên AI tạo sinh, sản phẩm có thể mới về hình thức nhưng không phản ánh năng lực đọc, phân tích và lập luận của SV. Nội dung AI cũng có thể chứa thông tin sai, nguồn giả hoặc lập luận thiếu căn cứ. Vì vậy, dấu hiệu tương đồng văn bản không còn đủ để phản ánh rủi ro LCHT.

Kiểm soát LCHT do đó không thể chỉ dựa vào phát hiện đạo văn hay văn bản AI. Trọng tâm cần chuyển sang năng lực tìm nguồn tin cậy, xử lý tài liệu, ghi nhận nguồn, phản tư về việc sử dụng AI và chịu trách nhiệm với sản phẩm cuối cùng, phù hợp với cách tiếp cận giáo dục và quản trị học thuật (Miao và Holmes, 2023).

4.3. Khoảng trống năng lực của sinh viên và nguy cơ sử dụng AI thiếu trách nhiệm

Tổng hợp tài liệu và dữ liệu thứ cấp tại HOU gợi ý rằng khoảng trống về năng lực thông tin, hiểu biết LCHT và năng lực AI có thể làm tăng nguy cơ sử dụng AI thiếu trách nhiệm, nhưng chưa cho phép xác lập quan hệ nhân quả. Khi thiếu năng lực kiểm chứng, SV dễ chấp nhận thông tin sai, nguồn không tồn tại hoặc kết quả AI chưa được đánh giá lại.

Các biểu hiện đáng chú ý gồm phụ thuộc công cụ tìm kiếm phổ thông; ít sử dụng cơ sở dữ liệu học thuật; khó phân biệt gợi ý AI với nguồn đã kiểm chứng; chưa biết khai báo AI; và chưa lưu vết bản nháp, nguồn, phản hồi chỉnh sửa. Điều này đặt ra yêu cầu tích hợp năng lực thông tin, năng lực số và AI có trách nhiệm trong học tập (Long và Magerko, 2020; Miao và cộng sự, 2024).

4.4. Đánh giá sinh viên dựa trên quá trình và minh chứng học tập

Nếu chỉ đánh giá sản phẩm cuối cùng, giảng viên khó xác định đóng góp thực chất của SV. Vì vậy, đánh giá cần chú trọng quá trình và năng lực giải trình, chẳng hạn yêu cầu nhật ký tìm kiếm, bản nháp, danh mục nguồn, ghi chú đọc, mô tả mức sử dụng AI và phản tư cá nhân.

Việc xác định mức cho phép sử dụng AI theo nhiệm vụ giúp tăng minh bạch và công bằng. Bài viết kế thừa logic AI Assessment Scale (Furze và cộng sự, 2024; Perkins, Roe và Furze, 2025) như công cụ thiết kế đánh giá, không phải công cụ phát hiện AI, và điều chỉnh thành năm mức nhấn mạnh khai báo, kiểm chứng nguồn, minh chứng quá trình và trách nhiệm của SV.

Bảng 2. Gợi ý mức độ sử dụng AI trong đánh giá sinh viên

Mức độ	Quy định sử dụng AI	Yêu cầu
Mức 1	Không sử dụng AI	Thực hiện độc lập; không dùng AI tạo hoặc sửa sản phẩm
Mức 2	AI hỗ trợ ý tưởng, từ khóa, cấu trúc	Khai báo công cụ/mục đích; SV tự chọn nguồn và lập luận
Mức 3	AI hỗ trợ ngôn ngữ, tóm tắt, so sánh	Kiểm chứng nội dung, trích dẫn nguồn và chịu trách nhiệm bản cuối
Mức 4	AI là một phần của nhiệm vụ	Nộp minh chứng quá trình, khai báo AI và tự giải trình
Mức 5	AI dùng chuyên sâu trong phân tích/sáng tạo	Có tiêu chí riêng, nêu rõ đóng góp của SV và vai trò của AI

Bảng 2 kế thừa nguyên tắc phân mức AI theo nhiệm vụ nhưng không sao chép nguyên trạng AIAS. Các điều chỉnh gồm gắn mức AI với nhiệm vụ/chuẩn đầu ra; tăng yêu cầu khai báo, kiểm chứng nguồn, trích dẫn và minh chứng quá trình. Đây là khung gợi ý cần được thí điểm và hiệu chỉnh.

Mức sử dụng AI cần linh hoạt theo học phần, chuẩn đầu ra và nhiệm vụ đánh giá; mức AI càng cao thì yêu cầu khai báo, kiểm chứng, giải trình và phản tư càng rõ.

4.5. Thư viện đại học với vai trò hỗ trợ sử dụng AI có trách nhiệm

TV có thể tham gia vào quá trình phát triển năng lực sử dụng AI có trách nhiệm thông qua các hoạt động hướng dẫn ngắn về tìm kiếm tài liệu học thuật, đánh giá nguồn tin, sử dụng cơ sở dữ liệu, trích dẫn và quản lý tài liệu tham khảo, nhận diện thông tin sai lệch và kiểm chứng nội dung do AI hỗ trợ.

Bên cạnh đó, TV cần phối hợp với giảng viên xây dựng hướng dẫn sử dụng AI theo từng loại nhiệm vụ học tập. Chẳng hạn, với bài tiểu luận, SV có thể dùng AI để gợi ý dàn ý nhưng phải tự chọn nguồn, phân tích, trích dẫn và khai báo mức độ sử dụng. Với bài tổng quan tài liệu, SV có thể dùng AI để đề xuất từ khóa nhưng phải

truy xuất, đọc và kiểm chứng tài liệu gốc từ cơ sở dữ liệu học thuật.

TV cũng cần xây dựng bộ tài nguyên hỗ trợ LCHT trong kỷ nguyên AI, gồm mẫu khai báo sử dụng AI, hướng dẫn trích dẫn AI, checklist kiểm chứng thông tin, mẫu nhật ký học tập, rubric đánh giá nguồn tin, cẩm nang phòng tránh đạo văn và tự đạo văn. Đây là những công cụ thiết thực giúp SV nhận diện ranh giới giữa hỗ trợ học tập hợp lệ và vi phạm LCHT.

4.6. Mô hình thư viện hỗ trợ liên chính học thuật và sử dụng AI có trách nhiệm

Bảo đảm LCHT trong bối cảnh AI không chỉ là kiểm soát gian lận mà còn là phát triển năng lực học thuật. Với chức năng tài nguyên, hướng dẫn khai thác, hỗ trợ trích dẫn và văn hóa học thuật, TV có thể hỗ trợ SV, giảng viên và nhà trường. Từ đó, bài viết đề xuất mô hình bốn hợp phần.

Mô hình tích hợp các nền tảng ở Mục 2.5 và chưa được kiểm định. Bốn hợp phần tương ứng với bốn nhu cầu: phát triển năng lực; minh bạch sử dụng AI; tăng minh chứng xác thực trong đánh giá; và xây dựng môi trường văn hóa - chính sách hỗ trợ LCHT.

Hợp phần 1: Đào tạo năng lực thông tin và năng lực sử dụng AI có trách nhiệm. TV tổ chức các lớp tập huấn định kỳ về

tìm kiếm, đánh giá, sử dụng và trích dẫn thông tin trong môi trường AI. Nội dung đào tạo cần gắn với tình huống thực tế của SV như viết tiểu luận, làm khóa luận, chuẩn bị báo cáo, tìm tài liệu nghiên cứu và sử dụng AI để hỗ trợ học tập.

Hợp phần 2: Hướng dẫn khai báo và trích dẫn việc sử dụng AI. TV phối hợp với các khoa xây dựng mẫu khai báo sử dụng AI trong bài làm. Mẫu khai báo cần nêu rõ công cụ đã sử dụng, mục đích sử dụng, phần nội dung có AI hỗ trợ, cách SV kiểm chứng và mức độ chịu trách nhiệm với sản phẩm cuối cùng.

Hợp phần 3: Hỗ trợ thiết kế đánh giá dựa trên minh chứng. TV hỗ trợ giảng viên xây dựng yêu cầu về nhật ký tài liệu, bản nháp, danh mục nguồn, ghi chú đọc, bảng kiểm chứng và hồ sơ học tập. Điều này giúp tăng tính xác thực của đánh giá và giảm phụ thuộc vào công cụ phát hiện gian lận.

Hợp phần 4: Xây dựng văn hóa LCHT. TV phối hợp với nhà trường truyền thông thường xuyên về LCHT, đạo văn, tự đạo văn, bản quyền, dữ liệu cá nhân và sử dụng AI có trách nhiệm. Hoạt động này cần được lồng ghép trong tuần sinh hoạt công dân, học phần phương pháp học đại học, hoạt động nghiên cứu khoa học SV và các chương trình phát triển văn hóa đọc.

4.7. Điều kiện triển khai và tiêu chí đánh giá bước đầu

Điều kiện triển khai gồm: (i) quy định về mức sử dụng và khai báo AI; (ii) phối hợp giữa TV, đào tạo, khảo thí, công nghệ và giảng viên; (iii) bồi dưỡng cán bộ TV về AI và LCHT; (iv) tài nguyên chuẩn hóa như mẫu khai báo, checklist, hướng dẫn trích dẫn; (v) tích hợp hỗ trợ TV vào

học phần hoặc nhiệm vụ đánh giá.

Hiệu quả có thể đánh giá qua: đầu vào/quy trình (hướng dẫn, học phần có quy định AI, người tập huấn); đầu ra (khai báo AI, chất lượng trích dẫn/kiểm chứng, minh chứng quá trình); và kết quả (thay đổi năng lực, phản hồi, xu hướng lỗi/vi phạm). Cần đo trước-sau hoặc qua thí điểm so sánh; bài viết chưa có dữ liệu để khẳng định hiệu quả vận hành.

V. Kết luận và kiến nghị

AI tạo sinh đặt ra thách thức mới đối với LCHT trong đánh giá SV, nhưng không nên chỉ được xem là vấn đề công nghệ hay kỷ luật. Người học cần năng lực sử dụng AI có trách nhiệm: hiểu giới hạn, kiểm chứng thông tin, trích dẫn đúng, khai báo minh bạch và chịu trách nhiệm với sản phẩm học tập.

Phân tích tài liệu và minh chứng thứ cấp gợi ý TV có vai trò hỗ trợ LCHT thông qua tài nguyên học thuật, đào tạo năng lực thông tin, hỗ trợ trích dẫn và thúc đẩy văn hóa học thuật. Tuy nhiên, đây mới là khung phân tích và đề xuất ứng dụng, chưa phải bằng chứng về hiệu quả đã được kiểm chứng.

Trong các cơ sở GDĐH có bối cảnh tương đồng, nhà trường cần có hướng dẫn về sử dụng AI; khoa chuyên môn cụ thể hóa theo học phần/nhiệm vụ; giảng viên tăng đánh giá quá trình và năng lực giải trình; TV phát triển chương trình ngắn hạn về năng lực AI có trách nhiệm tích hợp với năng lực thông tin và LCHT.

Cần cơ chế phối hợp giữa TV, đào tạo, khảo thí, khoa chuyên môn và cố vấn học tập nhằm phát triển văn hóa LCHT, phù hợp với các nguyên tắc về quyền riêng tư, công bằng, minh bạch và trách nhiệm khi ứng dụng AI (Miao và Holmes, 2023).

Nghiên cứu bị giới hạn bởi thiết kế tổng hợp định tính và dữ liệu thứ cấp; không có khảo sát/phỏng vấn mới, thí điểm mô hình hay đánh giá hiệu quả. Minh chứng tại HOU chỉ làm rõ bối cảnh nên không đủ để suy rộng cho toàn bộ GDĐH Việt Nam. Nghiên cứu tiếp theo cần thí điểm mô hình ở các học phần khác nhau, kết hợp khảo sát, phỏng vấn, nhật ký học tập và dữ liệu đánh giá, đồng thời thực hiện đánh giá trước-sau hoặc so sánh nhóm để kiểm tra tính khả thi và hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

- Association of College and Research Libraries. (2016). *Framework for information literacy for higher education*. American Library Association. <https://www.ala.org/acrl/standards/ilframework>
- Cotton, D. R. E., Cotton, P. A., & Shipway, J. R. (2024). Chatting and cheating: Ensuring academic integrity in the era of ChatGPT. *Innovations in Education and Teaching International*, 61(2), 228-239. <https://doi.org/10.1080/14703297.2023.2190148>
- Đinh Thị Hằng. (2025). Thái độ của sinh viên Trường Đại học Mở Hà Nội đối với vấn đề liêm chính học thuật hiện nay. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội, Số đặc biệt 6A*, 26-37. <https://doi.org/10.59266/houjs.2025.661>
- Furze, L., Perkins, M., Roe, J., & MacVaugh, J. (2024). The AI Assessment Scale in action: A pilot implementation of GenAI-supported assessment. *Australasian Journal of Educational Technology*, 40(4). <https://doi.org/10.14742/ajet.9434>
- International Center for Academic Integrity. (2021). *The fundamental values of academic integrity* (3rd ed.). <https://academicintegrity.org/resources/fundamental-values>
- Kofinas, A. K., Tsay, C.-H., & Pike, D. (2025). The impact of generative AI on academic integrity of authentic assessments within a higher education context. *British Journal of Educational Technology*, 56, 2522-2549. <https://doi.org/10.1111/bjet.13585>
- Lê Thị Ánh Tuyết, Lê Phương Thảo, Lê Thị Vy và Nguyễn Trâm Anh. (2026). Nhận thức của sinh viên về ứng dụng ChatGPT trong viết tiếng Anh học thuật: Một nghiên cứu tại Trường Đại học Mở Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội, Số đặc biệt 12A*, 125-132. <https://doi.org/10.59266/houjs.2026.1274>
- Lê Thị Minh Thảo, Phạm Thị Tâm và Thiều Cẩm Sơn. (2025). Liêm chính học thuật trong môi trường giáo dục đại học ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*. <https://doi.org/10.59266/houjs.2025.660>
- Long, D., & Magerko, B. (2020). What is AI literacy? Competencies and design considerations. *Proceedings of the 2020 CHI Conference on Human Factors in Computing Systems*, 1-16. <https://doi.org/10.1145/3313831.3376727>
- Miao, F., & Holmes, W. (2023). *Guidance for generative AI in education and research*. UNESCO. <https://www.unesco.org/en/articles/guidance-generative-ai-education-and-research>
- Miao, F., Shiohira, K., & Lao, N. (2024). *AI competency framework for students*. UNESCO. <https://www.unesco.org/en/articles/ai-competency-framework-students>
- Perkins, M., Roe, J., & Furze, L. (2025). Reimagining the Artificial Intelligence Assessment Scale: A refined framework for educational assessment. *Journal of University Teaching and Learning Practice*, 22(7). <https://doi.org/10.53761/rrm4y757>

THE ROLE OF UNIVERSITY LIBRARIES IN ENSURING ACADEMIC INTEGRITY IN THE ASSESSMENT OF STUDENT LEARNING OUTCOMES IN THE CONTEXT OF GENERATIVE AI

Nguyen Thi Hong Hanh¹

Abstract: *Generative AI (GenAI) is reshaping how students learn and complete assessment tasks, while blurring the boundary between legitimate support and academic misconduct. This paper examines the role of university libraries in academic integrity in student learning assessment. Using qualitative synthesis, document analysis, information/AI literacy frameworks, and published secondary evidence, including evidence from Hanoi Open University, the study identifies risks related to misconduct as well as weaknesses in source evaluation, citation, verification, and AI-use disclosure. It proposes a four-component library support model: information and responsible AI literacy; AI-use disclosure and citation; evidence-based assessment support; and academic-integrity culture. The framework requires empirical validation before broader generalization.*

Keywords: *academic integrity, generative artificial intelligence, information literacy, student learning assessment, university libraries*

¹ Library, HaNoi Open University, Hanoi, Vietnam